TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ	*Lâm Hà, ngày 25 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
VỀ VIỆC YÊU CẦU CÔNG NHẬN QUAN HỆ HÔN NHÂN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Trần Minh Huấn**

Thư ký phiên họp: Bà **Đàm Thị Thu Duy** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên họp: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc *"Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu:

- Bà **Bùi Kim Th**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Th và ông H đều có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai những người yêu cầu là bà Bùi Kim Th và ông Nguyễn Văn H cùng thống nhất trình bày: Bà Thvà ông H đã tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/7/1999. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì bà Thchưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật và do thiếu hiểu biết nên bà Thđã kê khai năm sinh của bà là 1981 để được cơ quan có thẩm quyền cho phép ông, bà đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống do năm sinh của bà Thtrên giấy chứng nhận kết hôn có sai khác với các giấy tờ hộ tịch khác nên gây nhiều khó khăn cho bà khi thực hiện các thủ tục có liên quan đến hộ tịch. Nay, bà Thịnh, ông H cùng xác định giữa ông, bà chung sống đến nay vẫn hòa thuận, hạnh phúc, cuộc sống chung không có mâu thuẫn và có nguyện vọng tiếp tục quan hệ hôn nhân nên ông, bà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông, bà theo quy dịnh của pháp luật.

Theo yêu cầu của bà Bùi Kim Th và ông Nguyễn Văn H, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh về hộ tịch liên quan đến ngày, tháng, năm sinh của bà Thịnh, ông H cũng như thủ tục kê khai đăng ký kết hôn của ông, bà.

Tại phiên họp, bà Thvà ông H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận đơn yêu cầu của bà Thịnh, ông H; công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thịnh, ông H kể từ ngày bà Thđủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí: Bà Thtự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà nhận định:

[1] Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 02/7/1999 của Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng thể hiện tại phần họ, chữ đệm, tên vợ là Bùi Kim Th, sinh năm 1981; tại phần họ, chữ đệm, tên chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1978, nhưng theo giấy khai sinh thể hiện, bà Bùi Kim Th sinh ngày 01/01/1983; còn ông Nguyễn Văn H sinh ngày 01/01/1979. Năm sinh của bà Thvà ông H theo giấy khai sinh phù hợp với năm sinh theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Qua kết quả xác minh của Tòa án về thủ tục kê khai đăng ký kết hôn giữa bà Thvới ông H thì xác định, khi làm thủ tục kê khai đăng ký kết hôn thì bà Thvà ông H đã kê khai sai năm sinh của cả hai ông, bà. Khi thực hiện đăng ký kết hôn giữa bà Thịnh, ông H, do sơ xuất trong việc đối chiếu, kiểm tra các giấy tờ tùy thân liên quan nên UBND xã Gia Lâm đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà Thvới ông H vào ngày 02/7/1999 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 là chưa đủ cơ sở. Quá trình chung sống giữa bà Thịnh, ông H không xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nhưng khi ông, bà liên hệ chính quyền tại xã Gia Lâm để thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thì qua kiểm tra mới phát hiện năm sinh của bà Thịnh, ông H đều sai khác giữa giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với các giấy tờ hộ tịch khác.

Xét yêu cầu của bà Thịnh, ông H về việc yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông, bà thì nhận thấy, theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình số 21/LCT/HDDND ngày 29/12/1986 thì *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn"*. Như vậy, bà Thsinh ngày 01/01/1983 thì tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 02/7/1999 là chưa đủ 17 tuổi nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đối với ông H sinh ngày 01/01/1979 nhưng khi kê khai đăng ký kết hôn ghi năm 1978 thì có sai sót nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 02/7/1999, ông H đã hơn 20 tuổi là đã đủ tuổi đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết việc dân sự này thì ông H xác định ông sinh ngày 01/01/1979 là đúng và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ liên quan đến ngày, tháng, năm sinh của ông H. Do vậy, việc đăng ký kết hôn giữa bà Bùi Kim Th với ông Nguyễn Văn H theo

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 02/7/1999 khi bà Thchưa đủ tuổi kết hôn là không đúng quy định của pháp luật.

Nay, giữa bà Thvà ông H đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông, bà thì nhận thấy, quá trình chung sống đến nay ông H, bà Thđều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trong đó quy định về độ tuổi kết hôn là *"Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên"*. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Kim Th với ông Nguyễn Văn H kể từ ngày bà Thđủ 18 tuổi là ngày 01/01/2001 là phù hợp.

[2] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Kim Th tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ nên cần ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149 và các Điều 366, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc *"Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân"* của bà Bùi Kim Th và ông Nguyễn Văn H.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Kim Th, sinh năm 1983 với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Bùi Kim Th phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002681 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Bùi Kim Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Minh Huấn